

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 669/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Khoa

2. Ông Phạm Công Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị A trình bày: Chị kết hôn với anh B năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh B tại Thôn Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, mặt khác anh B không có công việc ổn định dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh B đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn L, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng sống từ tháng 12 năm 2015 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì tháng 7 năm 2016 anh B đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh B đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay chị A khẳng định cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng có 01 con chung tên C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết để cho chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại bản tự khai ngày 30 tháng 8 năm 2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30 tháng 8 năm 2017 trình bày: Anh kết hôn với chị A năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh tại Thôn Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, kinh tế vợ chồng gặp khó khăn do anh chưa có việc làm ổn định dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn L, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng từ cuối năm 2015. Năm 2015 do bị bạn rủ rê nên anh có sử dụng ma túy và đến tháng 7 năm 2016 anh bị Công an

huyện T bắt vì có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Anh B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013. Hiện nay chị A đang trực tiếp nuôi con. Trường hợp anh và chị A ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị A trực tiếp nuôi con. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù nên anh không có khả năng và điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị A, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị A và anh B chung sống hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, kinh tế vợ chồng gặp khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau.

Nay chị A khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh B nhưng anh B không đồng ý ly hôn. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, mặt khác anh B không có công việc ổn định dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Chị A và anh B đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh B không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị A. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn anh B, cho chị A được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013. Khi ly hôn, chị A đề nghị Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi con, anh B đồng ý để chị A trực tiếp nuôi con. Xét từ khi vợ chồng chị A và anh B sống ly thân nhau đến nay chị A vẫn trực tiếp nuôi con, mặt khác anh B đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên nên không có điều kiện và khả năng nuôi con. Vì vậy căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung tên C cho chị A trực tiếp nuôi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác anh B đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên nên không có khả năng và điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử :

1. Chị A được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 cho chị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005573 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Đ, huyện T, TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

